

**GIÁO DỤC BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG SÁCH GIÁO KHOA
TIẾNG VIỆT 1 – CHƯƠNG TRÌNH 2018
(Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*)**

Đặng Thị Lệ Tâm

Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Bình đẳng giới đang là vấn đề được rất nhiều quốc gia quan tâm trong đó có Việt Nam bởi bình đẳng giới là mục tiêu cho sự phát triển bền vững của xã hội, là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá sự phát triển của mỗi quốc gia. Để thực hiện được mục tiêu về bình đẳng giới thì việc giáo dục nâng cao nhận thức về bình đẳng giới là hết sức cần thiết. Sách giáo khoa đóng vai trò đáng kể trong việc xây dựng các chuẩn xã hội và hình thành cách nhìn về bình đẳng giới ở học sinh. Bài viết phân tích nội dung giáo dục bình đẳng giới trong sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1- bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*. Các kết quả thu được nhờ tổng hợp từ các tài liệu về tâm lý học, phương pháp dạy học Tiếng Việt và trong thực tiễn để góp phần làm rõ định hướng giáo dục vấn đề quan trọng này trong nhà trường Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: *bình đẳng giới; sách giáo khoa; Tiếng Việt; tiểu học; kết nối tri thức*

Ngày nhận bài: 18/11/2020; Ngày hoàn thiện: 15/12/2020; Ngày đăng: 24/12/2020

**GENDER EQUALITY EDUCATION
IN TEXTBOOK VIETNAMESE 1 - PROGRAM 2018
(The book *Connecting knowledge to life*)**

Dang Thi Le Tam

TNU - University of Education

ABSTRACT

Gender equality is an issue of many countries, including Vietnam, because gender equality is the goal for the sustainable development of society, one of the important criteria to evaluate the development of the country. In order to achieve the gender equality goals, education to raise awareness about gender equality is very necessary. Textbooks play a significant role in developing social standards and forming a view of gender equality among students. The article analyzes the content of gender equality education in Vietnamese textbooks in grade 1 - the book *Connecting knowledge to life*. The results are synthesized from the materials on psychology, methods of teaching Vietnamese and in practice to contribute to clarify the orientation of education in this important issue in Vietnamese schools in the future.

Keywords: *gender equality; textbooks; Vietnamese; primary school; knowledge connection*

Received: 18/11/2020; Revised: 15/12/2020; Published: 24/12/2020

1. Đặt vấn đề

Giáo dục Nhân quyền là vấn đề thu hút sự quan tâm thường xuyên của cộng đồng quốc tế trong khoảng hai thập kỷ gần đây. Nhiều tổ chức quốc tế, trong đó đặc biệt là UNESCO và UNICEF, đã có những chương trình hành động lớn và rộng khắp trên thế giới về vấn đề này. Trong phạm vi quốc gia, giáo dục nhân quyền cũng đã trở thành một phần trong chương trình giáo dục của nhiều nước, tuy có sự khác nhau về phạm vi, mức độ và cách thức tổ chức hoạt động.

Trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay, việc giáo dục nhân quyền có ý nghĩa to lớn hơn bao giờ hết vì nó thúc đẩy quá trình hội nhập của Việt Nam với thế giới và khu vực, góp phần xây dựng nền văn hoá nhân quyền toàn cầu. Từ cuối thế kỉ trước, đã có một số công trình nghiên cứu như *Bàn về giáo dục pháp luật* [1], *Quyền con người ở Việt Nam hiện nay – Thực trạng và giải pháp đảm bảo phát triển* [2], *Giáo dục quyền con người, Những vấn đề lí luận và thực tiễn* [3], *Giáo dục quyền con người, quyền công dân ở nước ta hiện nay – Thực trạng và giải pháp* [4]... Tuy nhiên, có thể nói rằng, hiện nay vẫn có rất ít các công trình nghiên cứu chuyên sâu về giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục nói chung và giáo dục phổ thông nói riêng.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định số 1309/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống quốc dân. Đây là sự kiện quan trọng, đánh dấu bước ngoặt trong tiến trình bảo đảm và thúc đẩy quyền con người của Việt Nam nói chung và giáo dục quốc dân nói riêng. Vì vậy, ngay từ khi xây dựng nội dung dạy học trong sách giáo khoa (SGK) theo chương trình mới, các nhóm tác giả đã chú ý đến nội dung này. Trong bài viết này, chúng tôi xin được tập trung tìm hiểu vấn đề bình đẳng giới - một nội dung của vấn đề nhân quyền - trong SGK Tiếng Việt 1, Chương trình 2018 qua bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*.

2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

2.1. Nội dung nghiên cứu

- Một số khái niệm liên quan đến bình đẳng giới.
- Yêu cầu đưa nội dung giáo dục bình đẳng giới vào Chương trình và SGK.
- Sự thể hiện bình đẳng giới trong SGK Tiếng Việt 1, Chương trình 2018 - bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Cách tiếp cận của bài viết theo hướng nghiên cứu phát triển lý thuyết, thu thập thông tin từ các tài liệu văn bản có liên quan, sách báo, Internet và kinh nghiệm của bản thân trong quá trình dạy học.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Một số khái niệm liên quan đến bình đẳng giới

Định kiến giới là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò, nghề nghiệp và năng lực của nam hoặc nữ. Các định kiến giới thường là không phản ánh đúng khả năng thực tế của từng người và thường giới hạn những gì mà xã hội cho phép hoặc mong đợi các cá nhân thực hiện. Định kiến giới thường được hình thành từ *khuôn mẫu giới*, một tập hợp các đặc điểm mà một nhóm người, một cộng đồng cụ thể nào đó gán cho nam giới hay nữ giới.

Trái với định kiến giới, *cân bằng giới* là sự thể hiện mang tính định lượng đại diện và tham gia của hai giới. Cân bằng giới là một trong những bước cần thiết để đạt được bình đẳng giới.

Để thực hiện bình đẳng giới, *lồng ghép giới* là chiến lược cần thiết. Đây là phương pháp tiếp cận nhằm đạt được bình đẳng giới trong xã hội bằng cách đưa yếu tố giới vào mọi thiết chế cũng như các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình. Trong giáo dục, lồng ghép giới được hiểu là quá trình tích hợp các vấn đề giới vào chính sách, chiến lược, chương trình, SGK, cũng như quá trình dạy và học ở nhà trường cả giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.

3.2. Yêu cầu đưa nội dung giáo dục bình đẳng giới vào Chương trình và SGK

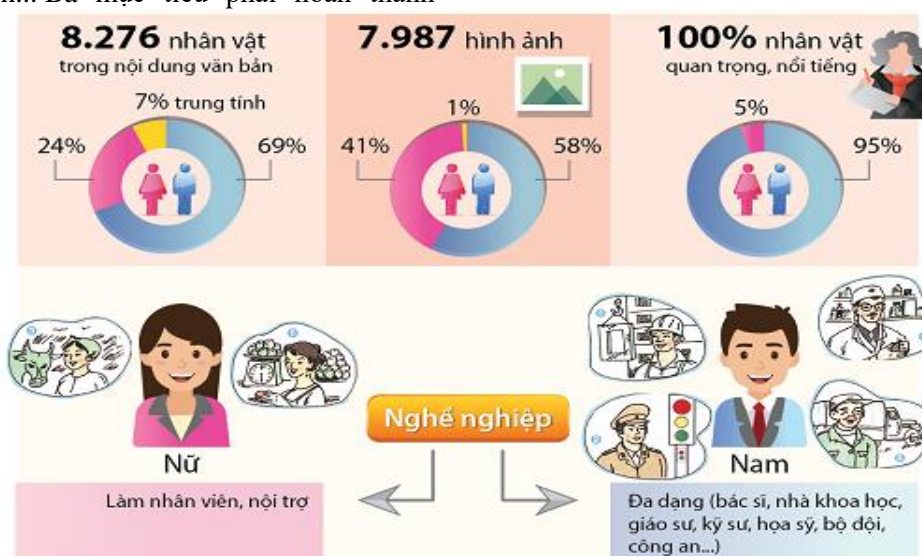
Bình đẳng giới là một mục tiêu quan trọng cần hướng đến không chỉ của Việt Nam, mà của các nước trên thế giới, là một trong những tiêu chí đánh giá sự phát triển của một xã hội.

Năm 1945, các quốc gia thành lập UNESCO đã ký một văn bản thoả thuận thể hiện niềm tin "cơ hội đầy đủ và bình đẳng cho giáo dục". Kể từ thời điểm đó, giáo dục cho mọi người trở thành một phần nhiệm vụ của UNESCO. Bắt đầu từ năm 1948, một số công cụ pháp lý ràng buộc giáo dục là một quyền. Tuyên ngôn về nhân quyền nói rằng "mọi người đều có quyền được học tập" (Điều 26). Dưới sự lãnh đạo của UNESCO và bốn cơ quan khác của Liên hợp quốc (Quỹ Nhi đồng LHQ, Chương trình Phát triển của LHQ, Quỹ Dân số LHQ và Ngân hàng Thế giới), năm 1990, các quốc gia họp ở Jomtien (Thái Lan) để thống nhất một tầm nhìn mới về giáo dục cơ bản. Năm 2000, 164 Quốc gia và các đối tác đã gặp nhau tại Dakar (Senegal) để tái khẳng định cam kết toàn cầu của họ và thông qua *Sáu mục tiêu giáo dục cho mọi người*. Những mục tiêu này thể hiện một cái nhìn toàn diện: giáo dục thời thơ ấu; khả năng đọc, viết; kỹ năng sống cho thanh thiếu niên và người lớn... Ba mục tiêu phải hoàn thành

trước năm 2015: phổ cập giáo dục tiểu học, 50% người trưởng thành biết đọc, viết và bảo đảm bình đẳng giới trong giáo dục.

Báo cáo nghiên cứu vấn đề giới trong SGK giáo dục phổ thông hiện hành của Việt Nam do Tổ chức UNESCO thực hiện chỉ ra còn có nhiều biểu hiện định kiến giới/khuôn mẫu giới. Cụ thể: 76 cuốn SGK của 6 môn học phổ thông từ lớp 1 đến lớp 12 có gần 8.300 nhân vật được đề cập. Trong đó nam giới chiếm 69%, nữ chiếm 24%, còn lại 7% là trung tính về giới (ví dụ: từ “đứa trẻ”, “học sinh”, “nông dân”, “công nhân”, “giáo viên”, “phụ huynh”,...). Càng lên cấp học cao, sự chênh lệch giữa nhân vật nam và nữ càng lớn. Ở bậc tiểu học, tỷ lệ nhân vật nam xuất hiện trong SGK chỉ ở mức 51%. Nhưng lên tới cấp trung học phổ thông, con số này đã tăng lên thành 81%. Các số liệu thống kê được minh họa trên Hình 1 [5, tr. 20].

Sự bất bình đẳng giới còn thể hiện ở hình ảnh đại diện nghề nghiệp của nam và nữ như việc minh họa nghề nghiệp của nhân vật nam trong SGK đa dạng hơn, như bác sĩ, nhà khoa học, kỹ sư, công an, bộ đội. Họ là trụ cột trong gia đình và có tiếng nói quyết định. Trong khi đó, những nhân vật nữ thường chỉ là những nội trợ, giáo viên hay nhân viên văn phòng.



Hình 1. Định kiến giới trong sách giáo khoa hiện hành

Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân có yêu cầu “*Hoàn thành việc biên soạn và đưa vào sử dụng SGK, giáo trình, các tài liệu tham khảo về quyền con người phục vụ giảng dạy, đào tạo phù hợp với từng cấp học và trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân*” [5]. Trong đó, nội dung giáo dục về quyền con người đối với học sinh (HS) tiểu học là một số kiến thức cơ bản về các nguyên tắc, giá trị về quyền con người (bình đẳng, không phân biệt đối xử, khoan dung và tôn trọng sự khác biệt,...); các quyền con người của trẻ em đã được pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam quy định

Một trong những tiêu chí để xây dựng và đánh giá SGK theo Chương trình GDPT mới 2018 về mặt nội dung và hình thức được quy định là: *Các nội dung, hình ảnh về giới thể hiện cách nhìn tích cực, khách quan, bình đẳng về phẩm chất trí tuệ và thiên chức của các giới; không vi phạm Luật bình đẳng giới* [6]. Vì vậy, ngay từ khi thiết kế nội dung ngữ liệu giảng dạy và hình ảnh trong SGK, các nhóm tác giả đã lưu ý và tuân thủ nội dung này.

Nếu như trước đây, giáo dục nhân quyền nói chung và giáo dục bình đẳng giới nói riêng trong các nhà trường phổ thông ở Việt Nam chủ yếu thông qua môn học Đạo đức, Giáo dục công dân, thì đến nay, ở chương trình mới, bình đẳng giới sẽ là nội dung chính ở một số môn chứ không phải chỉ đơn thuần là lồng ghép, ví dụ ở cấp tiểu học là môn Đạo đức, Tự nhiên xã hội, Khoa học, Hoạt động trải nghiệm. Ngoài ra, kiến thức về giáo dục giới tính và bình đẳng giới có thể được lồng ghép và là nội dung tích hợp ở tất cả môn học, trong đó mạnh nhất và sâu sắc nhất là ở môn Ngữ văn, ở tiểu học là môn Tiếng Việt.

3.3. Sự thể hiện bình đẳng giới trong SGK Tiếng Việt 1, Chương trình 2018 - bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống

Tiếng Việt 1 bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* thực hiện tư tưởng đổi mới chủ đạo, xuyên suốt trong quá trình biên soạn SGK. Kiến thức trong SGK không chỉ cần hiểu và

ghi nhớ, mà phải là “chất liệu” quan trọng giúp HS hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực mà các em cần có trong cuộc sống.

3.3.1. SGK Tiếng Việt 1 đã chú ý đến cân bằng giới

Nội dung thông tin trong một cuốn SGK thường được giới thiệu, thể hiện qua hai hình thức: qua văn bản (ngôn ngữ) và qua hình thức phi ngôn ngữ (ảnh, tranh, sơ đồ, bảng biểu). SGK tiểu học từ lớp 1 đến lớp 5 ở Việt Nam cũng được cấu trúc theo mô hình truyền thống này. Ý thức được nội dung quan trọng về bình đẳng giới nên ngay từ khâu tổ chức biên soạn, các tác giả SGK Tiếng Việt 1, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* đã chú ý đến việc xây dựng, lựa chọn ngữ liệu và hình ảnh, sao cho trong các nội dung và hình ảnh trong bài học luôn cân đối, hài hòa giữa các tuyến nhân vật nam và nữ. Điều đó được thể hiện ngay trên trang bìa cuốn sách.



Hình 2. Bìa sách Tiếng Việt 1 - Kết nối tri thức với cuộc sống

Hình 2 cho thấy, trang bìa tập 1 là hình ảnh bạn HS nữ đang cầm quyển sách để cùng trao đổi nội dung bài học với bạn HS nam. Đến trang bìa tập 2, vẫn là hình ảnh đại diện hai bạn HS đó nhưng vị trí và vai trò đã được hoán đổi. Chỉ một chi tiết rất nhỏ thôi nhưng chúng ta cũng thấy dụng ý của nhóm tác giả và họa sĩ ở đây là chia quyền chủ động cho cả hai bạn và có tính đến nội dung bình đẳng giới ngay từ những trang sách đầu tiên.



[7, tr. 6,7]



[7, tr. 28]



[7, tr. 165]

Hình 3. Một số bài học trong sách Tiếng Việt 1 – Kết nối tri thức với cuộc sống

Tiếp tục đi vào tìm hiểu cả kênh hình và kênh chữ của quyển sách, chúng ta liên tục gặp các bài tập, câu chuyện, hình ảnh có thể hiện cả trẻ em trai và trẻ em gái một cách bình đẳng và phù hợp với thực tế (Hình 3).

Bất cứ một trang sách nào có miêu tả hoạt động của tập thể, nhóm, dù là đang học tập trong lớp học hay đang vui chơi, lao động, hoạt động ngoài trời thì các tác giả đều chú ý đến việc cân đối hài hòa giữa số lượng các nhân vật nam và nữ. Hình ảnh minh họa sử dụng trong SGK hấp dẫn, hữu ích, không mang tính định kiến giới và phù hợp cho cả HS nam và HS nữ. Việc xây dựng môi trường lớp học, trường học thân thiện, an toàn, bình đẳng là một trong các yếu tố cơ bản đáp ứng các quyền con người cơ bản của HS; giúp HS mỗi ngày đến trường đều được vui vẻ, được tôn trọng và cảm thấy hạnh phúc, an toàn trong môi trường học đường.

3.3.2. SGK Tiếng Việt 1 chú ý thay đổi định kiến giới về nghề nghiệp

Lâu nay, những hình ảnh minh họa và nội dung bài học trong SGK nói chung và SGK Tiếng Việt dành cho HS tiểu học nói riêng các nhân vật nữ thường làm những công việc về nông nghiệp, chăm sóc động vật, trồng cây cối, làm việc nhà, nấu ăn, mua sắm ở chợ, làm cô giáo hoặc làm nhân viên bán hàng. Điều đó cũng cho thấy phạm vi hoạt động của nữ giới chủ yếu là hướng nội (trong nhà, bếp, sân nhà...); còn nam giới thì có mặt ở hầu khắp các hoạt động hướng ngoại. Điều này sẽ tạo ra và duy trì khuôn mẫu về phân công lao động theo giới giữa nam và nữ trong gia đình và xã hội theo hướng: nam giới được gán cho là thích hợp với chức năng chuyên môn (công cụ, nghề nghiệp) để tạo ra của cải vật chất; còn phụ nữ thì chỉ thích hợp với chức năng

biểu đạt (văn hóa, tình cảm) để tạo ra giá trị về tinh thần... Và như vậy, bình đẳng giới sẽ không được thực hiện nếu thể hệ sau vẫn được xã hội hóa theo khuôn mẫu mang định kiến về giới. Khắc phục được vấn đề đó, nội dung ngữ liệu và hình minh họa trong SGK Tiếng Việt 1 đã cởi bỏ những định kiến khuôn mẫu về phân công lao động giữa nam và nữ sẽ là điều kiện để thực hiện bình đẳng giới.

Ví dụ: hoạt động luyện nói “Ước mơ của em” (Hình 4) [7, tr. 155].



Hình 4. Ước mơ của em

Bức tranh miêu tả có vẽ 4 nhân vật, đại diện cho 4 ngành nghề - là sự gợi ý cho các em tiến hành hoạt động luyện nói về những nghề mà các em mơ ước. Ngay từ những năm

tháng đầu đời, trẻ đã nuôi dưỡng mơ ước về việc mình sẽ trở thành người như thế nào, làm nghề gì trong tương lai. Bằng cách hào hứng giảng bài trước HS vô hình, tất bật với bộ tai nghe khám chữa bệnh... ước mơ trở thành thầy cô giáo truyền thụ kiến thức cho thế hệ sau hay làm bác sĩ cứu người đã được hàng nghìn em nhỏ nuôi dưỡng. Đây không chỉ là thời điểm vàng để hình thành tính cách, mà còn là bước khởi đầu cho hành trình khám phá, tìm hiểu bản thân của HS. Từ những ước mơ đó cha mẹ và thầy cô sẽ góp phần quan trọng trong việc tư vấn, đồng hành cùng trẻ trên hành trình lựa chọn và nghiên cứu nghiêm túc về nghề nghiệp tương lai. Nhưng quan trọng hơn, ngay cả trong những lĩnh vực nam giới chiếm đa số thì các tác giả bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* vẫn đưa đại diện của phụ nữ vì sự xuất hiện của phụ nữ dù ít ỏi nhưng cũng có khả năng định hướng nhận thức và hành động cho HS nam và HS nữ ở chỗ HS nam chấp nhận vị trí của người phụ nữ trong lĩnh vực này còn HS nữ có niềm tin vào khả năng thâm nhập của mình vào lĩnh vực được cho là dành riêng cho nam giới.



Hình 5. Lớn lên bạn làm gì?

Mở đầu bài học *Lớn lên bạn làm gì* [8, tr. 152-153] là hoạt động nói khởi động: *Quan sát các hình dưới đây và nói: mỗi người trong hình làm nghề gì?* (đầu bếp, bác sĩ, kĩ sư, giáo viên, phi công) nhưng thật đặc biệt, trong bức hình cuối cùng, hình ảnh đại diện cho phi công là một cô gái (Hình 5). Một lần nữa, các em HS lớp 1 sẽ thấy thật thú vị khi gặp hình ảnh một cô phi công khỏe khoắn, xinh đẹp, tươi cười bước ra từ buồng lái máy bay giữa trung tâm của trang sách.

Được ngồi trong khoang điều khiển những chiếc máy bay hiện đại chinh phục bầu trời là ước mơ của rất nhiều bạn trẻ, ước mơ thành phi công đã đi vào nhiều bài thơ, câu hát của các bạn nhỏ. Tuy nhiên, không phải ai cũng thực hiện được ước mơ đó bởi phi công là một công việc đòi hỏi rất khắt khe về cả kiến thức, trình độ và thể lực. Được biết, để trở thành phi công, trước tiên phải trải qua các kỳ thi về kiến thức, sức khỏe cũng như phải đạt được các tiêu chuẩn về trình độ mà yêu cầu của nghề đặt ra. Từ trước đến nay, chúng ta vẫn quan niệm rằng lái máy bay là công việc tương chừng như chỉ dành cho nam giới. Nhưng trong xã hội hiện tại đã có rất nhiều nữ phi công cũng tham gia và thành công với công việc này. Hình ảnh thú vị và thực tế này sẽ khơi gợi trí tò mò cho các em HS và biết đâu, trong biết bao em HS đang ngồi học kia, sau này lớn lên, sẽ có nhiều em quyết tâm theo đuổi những nghề nghiệp vốn trước đây được mặc định cho nam giới, trước hết bởi sự đam mê, sau nữa là để góp phần xóa đi những rào cản trong định kiến giới về nghề nghiệp.

3.3.3. SGK Tiếng Việt 1 chú ý thay đổi định kiến giới trong gia đình

Không chỉ trong môi trường xã hội, định kiến giới còn tồn tại trong các mối quan hệ gia đình, thể hiện ở cách cư xử và ở sự phân công lao động. Đa số chúng ta cho rằng trong mô hình gia đình truyền thống người phụ nữ đảm nhiệm việc chăm sóc con cái, nhà cửa còn người đàn ông là trụ cột kinh tế. Vì vậy, một lần nữa, gánh nặng định kiến lại đè lên vai người phụ nữ. Sự bất bình đẳng ấy đến nay vẫn còn tồn tại và thậm chí còn nặng nề hơn bởi phụ nữ ngày nay, ngoài công việc nội

trợ họ còn phải lao động kiếm sống và tham gia các công việc xã hội. Các tác giả SGK *Kết nối tri thức với cuộc sống* đã thực sự chú ý đến vấn đề này. Ví dụ:



[7, tr. 61]



[7, tr.125]



[8, tr. 169]

Hình 6. Thay đổi định kiến giới trong gia đình

Các bài học trong Hình 6 được thiết kế thông qua những bối cảnh sinh hoạt hàng ngày phù hợp với nhận thức xã hội của HS theo từng độ tuổi. Hình ảnh bé trai đang phụ giúp mẹ nấu

com, hình ảnh người bố đang dọn dẹp lau nhà cửa hay đang bê bình hoa, trang trí nhà cửa chuẩn bị đón Tết thật đáng trân trọng và có tác dụng giáo dục đến các em HS. Các nghiên cứu và thực tiễn đã chứng minh, giữa phụ nữ và nam giới chỉ có sự khác biệt về mặt sinh học chứ không có sự khác biệt về mặt xã hội. Nếu bố là người có trách nhiệm với gia đình, biết chia sẻ việc nhà cùng mẹ thì con cũng lấy bố làm tấm gương của mình. Trẻ thường xuyên được quan sát những hoạt động của bố, con cũng sẽ học theo. Theo thời gian, khả năng quan sát, học hỏi của con cũng ngày càng phát triển tốt hơn. Nhìn bố sẵn sàng giúp mẹ, con cũng biết học theo bố trở thành đứa trẻ ngoan, chủ động phụ giúp việc nhà cho mẹ. Thêm nữa, càng học điều tốt của bố, con cái lớn lên cũng biết chia sẻ và cảm thông nhiều hơn với phái nữ. Việc khéo léo đầy dụng ý của các tác giả trong nội dung các bài học và các hình ảnh minh họa đã góp phần truyền thông và giáo dục nâng cao nhận thức về giới và bình đẳng giới cho các em HS, ngay từ khi các em còn nhỏ tuổi.

Xây dựng gia đình đầm ấm và hạnh phúc, biết lắng nghe và sẽ chia công việc được xem là một trong những biện pháp hữu hiệu giúp gắn kết gia đình, đúng như cảm xúc và suy nghĩ của bạn Chi trong bài *Bữa cơm gia đình* (Hình 7): “Chi vui lắm. Em nhặt rau giúp mẹ. Ông bà dọn nhà, rửa xoong nồi, cốc chén. Ông bà trông em bé để mẹ nấu ăn. Cả nhà quây quần

bên nhau. Chi thích ngày nào cũng là Ngày Gia đình Việt Nam” [8, tr. 36-37].

Giáo dục về giới và bình đẳng giới cần được lồng ghép rõ nét trong chương trình giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân và cũng cần được thực hiện thường xuyên, phủ khắp trong cộng đồng. Trường học là nơi thuận lợi và có điều kiện để xây dựng một môi trường bình đẳng nói chung và bình đẳng giới nói riêng tốt nhất và hiệu quả nhất, trong đó SGK là công cụ quan trọng. Tuy nhiên, cần lưu ý, việc giáo dục bình đẳng giới trong nhà trường sẽ không thành công nếu thiếu sự tương tác tích cực của giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

4. Kết luận

SGK - như tên gọi của nó, là công cụ để giáo dục. Trong các mục tiêu giáo dục, cần khẳng định, SGK đóng vai trò đáng kể trong việc xây dựng các chuẩn xã hội và hình thành cách nhìn về xã hội ở HS. Như vậy, có thể nói, giáo dục bình đẳng giới trong nhà trường là cánh cửa đầu tiên của việc thực hiện bình đẳng giới mang ý nghĩa xã hội. Là công cụ giáo dục quan trọng, SGK nói chung, SGK Tiếng Việt 1 *Kết nối tri thức với cuộc sống* nói riêng cũng đồng thời phải là công cụ của sự biến đổi xã hội. Mặc dù bình đẳng giới không phải là một phạm trù dễ hiểu đối với HS tiểu học, nhưng việc giáo dục bình đẳng giới với mức độ và phương pháp phù hợp là cần thiết và có thể thực hiện được ngay từ khi HS mới bước chân vào lớp Một.



Hình 7. Bữa cơm gia đình

TÀI LIỆU THAM KHẢO/REFERENCES

- [1]. N. D. Tran and T. M. Duong, *Discussing legal education*. National Political Publishing House, Hanoi, 1995.
- [2]. N. A. Pham, "Human Rights in Vietnam Today – Reality and Solutions to Ensure Development," *Social Insurance Magazine*, vol. 8, no. 104, p. 8, 2007.
- [3]. V. D. Nguyen, "Practical problems posed when implementing human rights education activities in Vietnam," in *Human rights education, Theoretical and practical issues*, Social Science Publishing House, 2011, pp. 110-117.
- [4]. K. V. Vo, *Education of human rights, civil rights in our country today - Status and solutions*. Social Science Publishing House, Hanoi, 2011.
- [5]. Ministry of Education and Training, *The project to include human rights content in the education program in the national system*, 2017.
- [6]. Ministry of Education and Training, *Circular No. 33/2017/TT dated 22/12/2007 on promulgating regulations on standards, procedures for compiling and editing textbooks, standards for organizations and individuals compiling textbooks; organizations and activities of the National Council for appraisal of textbooks*, 2007.
- [7]. M. H. Bui (editor), *Vietnamese 1, Knowledge-to-Life Book Set, Episode 1*, Education Publishing House, 2020.
- [8]. M. H. Bui (editor), *Vietnamese 1, Knowledge-to-Life Book Set, Episode 2*, Education Publishing House, 2020.